TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 819/2017/DS-PT
Ngày: 08/9/2017
Về việc: "*Tranh chấp đòi tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Cường.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Liên Minh.

Bà Nguyễn Thị Thoa.

Thư ký Tòa án: Ông Hoàng Minh Dự - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 08 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/DSPT ngày 27 tháng 7 năm 2017 về việc: "Tranh chấp đòi tài sản";

Do bản án dân sự sơ thẩm số 145/2017/DS – ST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1847/2017/QĐ-PT ngày 18/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đ T Th Th. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 21/8 Tr V T, Khu phố T, phường H P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Ng Th Hg. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 165 L V V, Khu phố T, phường H P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tr V D. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 21/8 Tr V Th, Khu phố T, phường H P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Ng Th Hg.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2016, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đ T Th Th trình bày: bà Th với bà Hg là hàng xóm với nhau. Từ năm 2009, bà Th cho bà Hg vay tiền nhiều lần. Mỗi lần cho vay từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Tính đến năm 2014, số tiền bà Th cho bà Hg vay tổng cộng là 342.780.000 đồng. Tất cả những lần cho vay đều lập giấy mượn nợ. Tuy nhiên, do bà Th sửa nhà nên đã làm thất lạc các giấy tờ cho bà Hg vay nên vào tháng 10/2014, bà Th đã yêu cầu bà Hg phải lập lại Giấy vay tiền cho khoản tiền trên. Sau khi bà Th và bà Hg trao đổi, thống nhất tổng số nợ thì bà Hg đã lập 02 Giấy vay tiền. Giấy thứ nhất ghi số nợ là 290.000.000 đồng, Giấy thứ hai ghi số nợ là 52.780.000 đồng, cả hai Giấy vay tiền đều hẹn sẽ trả đủ từ ngày 01/12/2014 (nghĩa là đến ngày 01/12/2014 bà Hg sẽ trả đủ số tiền như đã hứa). Hai bên thỏa thuận miệng với nhau lãi suất cho vay là 5%/tháng nhưng không ghi vào 02 Giấy vay tiền. Từ khi vay tiền cho đến nay, bà Hg chưa thanh toán cho bà Th tiền gốc và tiền lãi. Bà Th đã nhiều lần gặp bà Hg để đòi nợ nhưng bà Hg chỉ hứa hẹn chứ không trả tiền.

Nay bà Th yêu cầu Tòa án nhân dân Quận C buộc bà Ng Th Hg phải trả cho bà Th số tiền gốc là 290.000.000 đồng và 52.780.000 đồng theo 02 Giấy vay tiền nêu trên, tổng số tiền là 342.780.000 đồng (ba trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng). Bà Th yêu cầu trả làm một lần ngay khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bà Th không yêu cầu tính lãi.

Tại Bản tự khai ngày 04 tháng 01 năm 2017, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn bà Ng Th Hg trình bày: từ năm 2009, bà Hg có nhiều lần vay tiền của bà Th. Mỗi lần vay số tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng và hai bên đều lập Giấy vay tiền nhưng giao cho bà Th giữ. Mỗi lần vay đều thỏa thuận lãi suất từ 7%/tháng đến 10%/tháng, thời hạn vay mỗi lần từ 01 đến 02 tháng. Mỗi lần vay bà Hg đều trả lãi nhưng không lập giấy tờ. Từ năm 2013 đến nay, do bà Hg khó khăn nên bà Hg không thực hiện việc trả tiền gốc cũng như lãi cho bà Th trên tổng số tiền là 52.780.000 đồng mà bà Hg đã viết trong Giấy vay tiền.

Vào khoảng giữa năm 2014, bà Hg có lập 02 Giấy vay tiền. Trong đó, tờ Giấy vay tiền ghi số tiền: 52.780.000 đồng là số tiền nợ gốc, còn Giấy vay tiền ghi số tiền: 290.000.000 đồng là số tiền lãi. Cả 02 Giấy vay tiền đều hẹn sẽ trả đủ từ ngày 01/12/2014 cho bà Th (nghĩa là đến ngày 01/12/2014 sẽ trả hết số tiền nợ). Hai Giấy vay tiền trên là do bà Hg bị con rể bà Th tên là Tr V D (tên thường gọi là B), sinh năm: 1968, địa chỉ: 21/8 Tr V Th, khu phố T, phường H P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh hăm dọa và ép buộc bà Hg phải viết. Việc này có bà Th chứng kiến, ngoài ra không còn ai chứng kiến việc này.

Bà chỉ đồng ý trả cho bà Th số tiền 150.000.000 đồng bao gồm: tiền gốc là 52.780.000 đồng và số tiền lãi từ năm 2013 đến nay là 97.220.000 đồng vì bà Hg không tính được cụ thể tiền lãi. Bà Hg sẽ trả cho bà Th mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thời hạn bắt đầu trả là từ tháng 5 năm 2017 cho đến khi hết số tiền 150.000.000 đồng. Nếu có tiền sớm hơn thì bà Hg sẽ thanh toán hết một lần cho bà Th nhưng bà Hg chưa biết thời gian cụ thể. Bà Hg không chấp nhận yêu cầu trả số

tiền lên tới 342.780.000 đồng (ba trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng). Bà Hg yêu cầu Tòa án buộc bà Th phải cung cấp những giấy vay tiền trước đây bà Hg lập và bà Th đang giữ.

Tại Bản tự khai ngày 18 tháng 01 năm 2017, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tr V D trình bày: số tiền 342.780.000 đồng mà bà Hg vay của bà Th là mẹ vợ ông D thì ông D không liên quan và cũng không có ý kiến gì.

Về việc bà Hg trình bày bị ông D hăm dọa và ép buộc bà Hg phải viết 02 Giấy vay tiền của bà Th gồm: Giấy vay tiền ghi số tiền 52.780.000 đồng và Giấy vay tiền ghi số tiền 290.000.000 đồng là không có thật. Hôm đó, vào khoảng tháng 8/2014 (không nhớ ngày cụ thể) ông D gặp bà Hg tại nhà bà Th là mẹ vợ ông D (vì gia đình ông D sống chung với mẹ vợ), ông D thấy bà Hg viết Giấy vay tiền của bà Th và bà Hg cũng có hỏi vay tiền của ông D để đóng tiền điện. Việc bà Hg vay tiền của ông D, ông D không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Còn việc bà Hg viết 02 Giấy vay tiền của bà Th ngoài ông D và bà Th thì không còn ai biết và chứng kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 145/2017/DS – ST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ T Th Th. Buộc bà Ng Th Hg có nghĩa vụ trả cho bà Đ T Th Th số tiền 342.780.000 đồng (ba trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng) theo 02 Giấy vay tiền với số tiền gốc là 52.780.000 đồng và 290.000.000 đồng (đến ngày 01/12/2014 sẽ trả hết số tiền nợ), trả làm một lần ngay khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bà Th không yêu cầu tính lãi.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/5/2017, bị đơn bà Ng Th Hg có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Ng Th Hg trình bày: Bà xác định bà chỉ vay số tiền gốc là 52.780.000 đồng và số tiền lãi từ năm 2013 đến nay là 97.220.000 đồng vì bà không tính được cụ thể tiền lãi. Về hai giấy vay tiền mà bà Th xuất trình cho Tòa án, Bà xác nhận chữ ký và chữ viết là của bà nhưng do bị ông D ép buộc, đe dọa nên bà phải viết giấy vay tiền. Tuy nhiên, bà cũng xác nhận bà không có chứng cứ chứng minh cho việc bị ông D ép buộc hay đe dọa. Bà đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc bà trả tổng số tiền là 150.000.000 đồng bao gồm: tiền gốc là 52.780.000 đồng và số tiền lãi từ năm 2013 đến nay là 97.220.000 đồng.

Nguyên đơn bà Đ T Th Th trình bày: Bà có cho bà Hg vay bà Th cho bà Hg vay tiền nhiều lần từ năm 2009 đến năm 2014 với số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Vào tháng 10/2014, bà và bà Hg thống nhất thỏa thuận về việc bà Hg đã lập 02 Giấy vay tiền với số tiền tổng cộng là 342.780.000 đồng. Việc này là do hai bà thống nhất và bà Hg tự nguyện ghi nên không có sự đe dọa của ông D. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tr V D trình bày: Việc vay tiền giữa mẹ vợ ông là bà Th và bà Hg thì ông có biết nhưng không nắm số tiền cụ thể. Ông khẳng định bà Hg cho rằng ông có hành vi đe dọa là không đúng. Vì khoảng tháng 08/2014, ông có gặp bà Hg tại nhà bà Th thì bà Hg đã viết xong hai Giấy vay tiền. Ông đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Bà Hg kháng cáo cho rằng việc bà bị ông D ép buộc phải ghi hai giấy vay tiền với tổng số tiền là 342.780.000 đồng. Tuy nhiên, bà Duyên không có chứng cứ để chứng minh hành vi đe dọa của ông D. Đồng thời, bà Hg cũng không xuất trình được tài liệu chứng minh bà chỉ vay của bà Th tổng số tiền 150.000.000 đồng bao gồm: tiền gốc là 52.780.000 đồng và số tiền lãi từ năm 2013 đến nay là 97.220.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hg cho rằng bà chỉ vay số tiền tổng cộng là 150.000.000 đồng, bao gồm: tiền nợ gốc là 52.780.000 đồng và số tiền lãi từ năm 2013 đến nay là 97.220.000 đồng. Bị đơn cho rằng số tiền nợ gốc nói trên được thể hiện bằng nhiều giấy vay tiền đều được bà Th giữ. Tuy nhiên, bà Hg không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc vay số tiền này. Bà Hg xác nhận chữ ký và chữ viết trên hai Giấy vay tiền ghi số nợ là 290.000.000 đồng và Giấy vay tiền ghi số nợ là 52.780.000 đồng do bà Th cung cấp cho Tòa án là của bà nhưng bà Huonwg cho rằng do bà bị ông D đe dọa, ép buộc nên phải viết hai giấy vay nợ trên. Ông D khẳng định không ép buộc, đe dọa hay liên quan đến việc vay tiền của bà Hg. Ngoài lời khai của bà Hg thì bà không cung cấp gì để chứng minh cho việc bà bị

ép buộc, đe dọa trong việc viết Giấy vay tiền với số tiền nợ là 290.000.000 đồng và Giấy vay tiền với số tiền nợ 52.780.000 đồng (cả hai giấy vay tiền đều hẹn trả đủ từ ngày 01/12/2014).

Từ những phân tích nêu trên, đồng thời qua đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy bà Hg kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm về việc chỉ đồng ý trả cho bà Th số tiền 150.000.000 đồng nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hg phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng năm 2015;

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92 ; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 256; Điều 305 Bộ luật Dân sự 2005.

Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ T Th Th. Buộc bà Ng Th Hg có nghĩa vụ trả cho bà Đ T Th Th số tiền 342.780.000 đồng (ba trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng) theo 02 Giấy vay tiền với số tiền gốc là 52.780.000 đồng và 290.000.000 đồng (đến ngày 01/12/2014 sẽ trả hết số tiền nợ), trả làm một lần ngay khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bà Th không yêu cầu tính lãi.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[2] Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ng Th Hg phải nộp 17.139.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận C.

Bà Đ T Th Th không phải chịu án phí sơ thẩm. Trả lại cho bà Đ T Th Th số tiền 8.569.500 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AC/2014/0008484 ngày 28/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ng Th Hg phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0002943 ngày 21/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận C;
- Tòa án nhân dân Quận C;
- Viện KSND Quận C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Minh Cường